



Tỷ lệ 1:5000
1cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

- | | | | | | | | | | | | | | | |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|--|----------|-------------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------------------|--------------------|
| Đường bình độ và điểm độ cao | Đường nhựa có trục phân tuyến | Đường nhựa không có trục phân tuyến | Đường đất lớn | Đường đất nhỏ | Nhà độc lập chịu lửa | Tháp cổ, đình, chùa | Cây trồng thân gỗ thành rừng; không thành rừng | Màu, lúa | Cột tháp; cột cao | Điểm tọa độ nhà nước | Điểm lưới GPS | Điểm độ cao nhà nước | Điểm lưới khống chế đo vẽ | Phạm vi công trình |
| Đường dây điện cao thế | Đường cấp phối, vỉa hè | Trường học; bệnh viện | Đường cấp phối, vỉa hè | Đường cấp phối, vỉa hè | Trường học; bệnh viện | Tháp cổ, đình, chùa | Cây trồng thân gỗ thành rừng; không thành rừng | Màu, lúa | Cột tháp; cột cao | Điểm tọa độ nhà nước | Điểm lưới GPS | Điểm độ cao nhà nước | Điểm lưới khống chế đo vẽ | Phạm vi công trình |
| Đường dây điện hạ thế | Đường cấp phối, vỉa hè | Trường học; bệnh viện | Đường cấp phối, vỉa hè | Đường cấp phối, vỉa hè | Trường học; bệnh viện | Tháp cổ, đình, chùa | Cây trồng thân gỗ thành rừng; không thành rừng | Màu, lúa | Cột tháp; cột cao | Điểm tọa độ nhà nước | Điểm lưới GPS | Điểm độ cao nhà nước | Điểm lưới khống chế đo vẽ | Phạm vi công trình |